TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vính
2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức A; Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên cưới hỏi từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/7/2018. Sau khi cưới anh và chị H chung sống hoà thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn. Năm 2020, kinh tế gia đình khó khăn và các con cũng đã lớn nên anh và chị H đi làm ăn mỗi người một nơi để cải thiện kinh tế gia đình, khi con ốm chị H không về chăm sóc, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày: 20/8/2018. Ly hôn, anh Đức A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/4/2024, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức A tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên cưới hỏi từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/7/2018. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn. Năm 2020, do kinh tế khó khăn vợ chồng đi làm ăn mỗi người một. Sau đó một thời gian vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ, chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Toà án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh Đức A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày: 20/8/2018. Ly hôn, chị H đồng ý giao con chung cho anh Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đức A.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày: 20/8/2018 cho anh Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Đức A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đức A và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh Đức A và chị H.

[5]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 02/7/1018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng đi làm ăn xa mỗi người một nơi nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Anh Đức A và chị H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh Đức A và chị H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh Đức A và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày: 20/8/2018. Ly hôn, cả anh Đức A và chị H đều thống nhất giao cả hai cháu cho anh Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đức A. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh Đức A và chị H.

[7]. Về tài sản: Anh Đức A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh Đức A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/12/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày: 20/8/2018 cho anh Nguyễn Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đức A.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0002285 ngày 10/4/2024. Anh Đức A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Đức A và chị Nguyễn Thị H. Anh Đức A và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc